

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2022

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Phong;

2. Bà Nguyễn Thị Lợi;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng L, sinh năm: 1987; nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Ông L có đơn xin vắng mặt, bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2021 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Lê Hoàng L trình bày: Ông và bà H do mai mối và đi đến hôn nhân, được sự đồng ý của hai bên gia đình và có tổ chức lễ cưới

năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến thời gian sau năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không hợp nhau bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau sau đó vợ chồng sống ly thân từ tháng cuối tháng 1 năm 2021 cho đến nay. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Có một con chung tên Lê Nguyễn Ái T, sinh ngày 22/10/2020. Hiện nay con chung đang sống cùng bà H. Khi ly hôn ông đồng ý để bà H tiếp tục nuôi dạy con chung, ông xin không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Ông thống nhất với trình bày của ông L về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân, bà và ông L không đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, do bà và ông L bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Hai người không còn sống chung từ tháng 1 năm 2020 cho đến nay. Nay, bà đồng ý ly hôn với ông L.

Về con chung: Có một con chung Lê Nguyễn Ái T, sinh ngày 22/10/2020. Hiện nay con đang sống cùng với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng bà H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

Quan điểm Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc ghi lời khai, hòa giải, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Xét thấy ông L, bà H không đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận ông L, bà H là quan hệ vợ chồng. Bà H được tiếp tục nuôi con chung, công nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H. Đồng thời, bà H cư trú trên địa bàn huyện A. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: ông L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà H được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Năm 2018, ông L và bà H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và đến nay không đăng ký kết hôn. Mặc dù hôn nhân của ông L và bà H được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên, sau khi về chung sống ông L, bà H không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc trình bày của ông L, bà H phù hợp với giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Phú Hội vào ngày 09/11/2021 nên hôn nhân giữa ông L, bà H không được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử không công nhận ông L, bà H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông L, bà H thống nhất 01 con chung Lê Nguyễn Ái Trâm, sinh ngày 22/10/2020. Hiện nay cháu Trâm đang sống với bà H. Ông L đồng ý để bà H tiếp tục nuôi con chung, bà H yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận để cho bà H tiếp tục nuôi dạy cháu Trâm là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà H.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông L, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Hoàng L và bà Nguyễn Thị H là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi dạy con chung Lê Nguyễn Ái T, sinh ngày 22/10/2020. Công nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Ông Lê Hoàng L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006611 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. (Ông L nộp đủ án phí)

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ khi được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã Quốc Thái(1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Mai Việt Quốc